

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày 06-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Ninh Văn Tĩnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 06 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/HSST-QĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bùi Đình Q, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1999 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đình Q1 và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Lương Đăng Đ, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1999 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đăng Đ (đã chết) và bà Bùi Thị L; có vợ là Nguyễn Thị X; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 24/2021/HS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng trừ 09 ngày, nên phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo

không giam giữ về tội “Đánh bạc”; chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ theo Giấy chứng nhận số 06/GCN ngày 31-01-2023 của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Lương Xuân T, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1998 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Đăng T và bà Vũ Hồng L; có vợ là Nguyễn Hà M và có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

4. Bùi Văn Đ, sinh ngày 5 tháng 5 năm 1999 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

5. Phạm Văn T, sinh ngày 14 tháng 11 năm 2000 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Tú và bà Phan Thị Hương; có vợ là Nguyễn Thị Tho và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

6. Nguyễn Văn D, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1997 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện A, Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên công trình; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị H; có vợ là Hoàng Thị Thanh H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- *Bị hại:* 1. Phạm Văn T, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bùi Văn Đ, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Đình Q:* Ông Nguyễn Minh L, bà Bùi Thị M, đều là Luật sư Công ty Luật DRAGON, địa chỉ: Phòng 6, Tầng 14 Tòa nhà VIMECO, địa chỉ: P, T, Quận C, thành phố Hà Nội; Văn phòng giao dịch: Số 24, ngõ 29 phố T, phường L, Quận L, thành phố Hà Nội. Luật sư L có mặt; luật sư M vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Bùi Đình Q2, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Cháu Lương Đức M, sinh ngày 07-02-2008, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Lương Đức M: Ông Lương Đăng T và bà Vũ Hồng L (là bố, mẹ của cháu M), địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

3. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người giám định:* Ông Hoàng Văn C, ông Nguyễn Văn T, đều là Giám định viên và đại diện lãnh đạo Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Có mặt ngày 05-02-2024, vắng mặt ngày 06-02-2024.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Bá L, Bùi Đình V, Phạm Thị H, Nguyễn Ngọc H, Đinh Thị Thu H. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Đăng Đ vay tiền của Bùi Đình Q nhưng không có tiền trả nên ông Lương Đăng T (là chú ruột của Đ, đồng thời là bố đẻ của Lương Xuân T) đứng ra nhận trả nợ thay Đ, nhưng qua vài lần nói chuyện, xảy ra mâu thuẫn. Ngày 15-12-2022, ông Bùi Đình Q2 (là bố của Bùi Đình Q) phát sinh to tiếng, mâu thuẫn với ông T.

Khoảng 15 giờ 15 phút chủ nhật ngày 18-12-2022, tại nhà Lương Xuân T, Lương Đăng Đ, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Bùi Văn Đ đến ngồi chơi uống nước. T nói chuyện 03 ngày trước đó, bố con Bùi Đình Q đến nhà chửi, xúc phạm bố T. Đ bảo T đi với Đ đến nói chuyện với ông Q để hòa giải mâu thuẫn người cùng thôn xóm. Đ lấy xe mô tô cùng T chuẩn bị đi thì T đi theo, còn Lương Đăng Đ, Nguyễn Văn D tiếp tục ngồi ở nhà T. Đ điều khiển xe mô tô chở T, T đi về phía nhà Q cách nhà T khoảng 500m. Đ, T, T đều không mang theo đồ vật hoặc hung khí. Đ điện thoại cho Q, ông Q về việc nói chuyện giữa các bên. Q, ông Q ra ngoài đường đứng hướng nhìn về phía nhà ông T. Q đi vào trong nhà, lấy 01 gậy kim loại 3 khúc (có tay nắm được bọc cao su màu đen, kích thước khi rút ra là 62cm, kích thước khi thu vào là 23cm để sẵn chỗ cây, phía sau cửa ra vào nhà ông Q), rồi Q cầm sẵn trên tay, giấu trong tay áo khoác bên trái. Khi xe mô tô của Đ điều khiển dừng lại phía trước của nhà ông Q, thì Q tiến về phía Đ. Q cầm gậy bằng tay phải vụt từ trên xuống dưới, từ trái qua phải trúng vào đầu của Đ. Còn ông Q chạy vào trong nhà, cầm lấy 01 mai dao đất bằng kim loại kích thước dài 144cm (để sẵn phía sau cửa ra vào nhà ông Q), rồi ông Q xia về phía T, nhưng T tránh được. T1

đứng xuống xe, thì bị Q tiếp tục dùng gậy vọt từ trên xuống dưới, từ trái qua phải trúng vào đầu T1. Khi Đ, T1 ôm đầu đi về hướng nhà bà Bùi Thị H (phía đối diện nhà ông Q). Q tiếp tục cầm gậy 3 khúc, đi sau khua đuổi Đ, T1. Thấy Đ, T1 bị chảy máu ở vùng đầu, T chạy sang nhà bà H nhặt được con dao bầu đã cũ ở thành bếp và 01 cây gậy gỗ, rồi đi về phía nhà ông Q. Lúc này, Đ, T1 cũng chạy vào nhà chị H để băng bó thương tích, còn bố con ông Q tiếp tục thách thức ở phía ngoài đường trước cửa nhà ông Q. T liền ném gậy gỗ về phía bố con ông Q nhưng không trúng, rồi cầm dao bầu khua, thách thức bố con ông Q. Thấy có xô xát ở phía nhà ông Q, Lương Đăng Đ điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Văn D, còn Lương Đức M (em trai T) cầm theo giáo nhọn chạy bộ đến nhà ông Q. Đến nơi, Đ lấy giáo nhọn trên tay M đang cầm. Đ, T cầm dao bầu; D, T1 nhặt gậy gỗ cốp pha đứng ở ngoài đường phía trước cửa nhà ông Q thách thức bố con ông Q. Sau đó, D dùng tấm gỗ cốp pha ném về phía bố con ông Q đang đứng, T1 dùng gậy tre ném vào trong nhà, nhưng không trúng ai. Đ dùng giáo nhọn đâm làm thủng cửa xếp, rách áo khoác ông Q đang mặc và làm xước sơn phần cốp sau của xe ô tô Mazda CX5 màu trắng, BKS: 15A-926.75. Có người đến can ngăn, đẩy Q, ông Q vào trong nhà, rồi đóng cửa xếp. Q kéo cửa ra, nhặt tấm gỗ cốp pha ném về phía Đ. Ông Q đứng ở cửa xếp, tiếp tục thách thức nhóm của Đ. Nhiều người đến can ngăn, đẩy Q, ông Q vào nhà, rồi kéo cửa xếp đóng kín cửa. T, D, Đ bỏ về và Đ, T1 được mọi người đưa đi điều trị thương tích tại Bệnh viện Đa khoa An Lão. Ngày 3-5-2023, Bùi Văn Đ và Phạm Văn T có đơn yêu cầu khởi tố vụ án.

Theo Bản giám định số 117 ngày 8-3-2023 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Văn Đ tại thời điểm giám định do vết thương da đầu gây nên là: 02%; thương tích trên có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên. Bản giám định số 118 ngày 8-3-2023 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn T tại thời điểm giám định do vết thương da đầu trên gây nên là: 01%; thương tích trên có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên. Bùi Đình Q2 và Bùi Đình Q bị thương tích nhẹ, kết quả giám định không để lại phần trăm tổn thương cơ thể.

Theo Bản định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 04-4-2023 và Bản định giá tài sản số 38/KL-ĐG ngày 10-10-2023 kết luận: Chi phí sơn sửa phần cốp sau của xe ô tô nhãn hiệu Mazda CX5 màu trắng, BKS: 15A-926.75 là 400.000 đồng. Cửa xếp bằng kim loại, tại cánh cửa bên phải bị rách kim loại, kích thước vết rách: 8cm x 2cm, chi phí sửa chữa: 300.000 đồng. 01 chiếc áo phao lót bông màu ghi xám, phía đuôi lưng áo có vết rách kích thước 9cm x 5cm, đã qua sử dụng, trị giá 550.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại của các tài sản trên là: 1.250.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Bùi Đình Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS); truy tố các bị cáo Lương Đăng Đ, Nguyễn

Văn D, Phạm Văn T, Lương Xuân T, Bùi Văn Đ đều về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS.

- Tại phiên tòa, bị cáo Đ, T, T1, Đ, D đều khai nhận các tình tiết vụ án phù hợp Cáo trạng, thừa nhận các tài liệu, bản ảnh, nội dung video clip trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh tụng công khai là khách quan, đúng sự thật, thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội danh. Năm bị cáo đều trình bày: Rất ăn năn hối hận vì thiếu kiềm chế trước hành vi gây thương tích của Q, xử sự chưa đúng mực của ông Q, dẫn đến việc các bị cáo phạm tội, mặc dù các bị cáo nguyện vọng đến gặp ông Q để trao đổi, hòa giải mâu thuẫn; các bị cáo đều bồi thường thiệt hại cho ông Q theo kết luận định giá tài sản, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận; xin được hưởng hình phạt cải tạo ngoài xã hội để tiếp tục lao động lương thiện; cam đoan tuân thủ nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bị cáo Q khai không nhớ bị cáo sử dụng 01 gậy kim loại 3 khúc khua lên có hay không gây ra thương tích cho bị hại T1, Đ, nhưng sau đó Bùi Đình Q thay đổi lời khai thừa nhận hành vi phạm tội gây ra cho T1, Đ, bồi thường tại phiên tòa theo yêu cầu của T1, Đ mỗi người 10.000.000 đồng. Bị cáo xin lỗi bị hại và nói lời sau cùng: Nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội, rất ân hận vì thiếu kiềm chế của bị cáo phát sinh mâu thuẫn các gia đình cùng thôn xóm, xin được hưởng hình phạt cải tạo ngoài xã hội để tiếp tục lao động lương thiện; cam đoan tuân thủ nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Luật sư Nguyễn Minh L bào chữa cho bị cáo Q trình bày: Trên cơ sở trình bày của Bùi Đình Q thể hiện T1, Đ, T cùng đi một xe mô tô, dừng xe trước cửa nhà ông Q, rồi ngay lập tức xông vào tấn công ông Q. Q từ trong nhà chạy ra, thấy ông Q bị tấn công nên sử dụng gậy kim loại ra khua để giải vây cho ông Q. Bị cáo Q mâu thuẫn với Đ, nhưng không mâu thuẫn với T, T1, Đ. Đề nghị đánh giá tính hợp lệ đối với lời khai của người làm chứng Nguyễn Bá L với lý do ông Lợi có quan hệ họ hàng với các bị cáo. Kết luận điều tra, Cáo trạng xác định không đúng sự thật theo trình bày của bị cáo Q. Hành vi của bị cáo Q thuộc T hợp phải xem xét đối với cấu thành tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động M” quy định tại Điều 135 BLHS hoặc tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” quy định tại Điều 136 BLHS. Tuy nhiên, bị hại anh T1, anh Đ có tỉ lệ tổn thương cơ thể dưới 31%, nên bị cáo Q không phạm tội theo Điều 135, Điều 136 BLHS. Từ nhận định trên, bị cáo Q không phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Điều 134 và không phạm tội theo quy định BLHS. T hợp bị cáo Q thay đổi lời khai, thừa nhận hành vi phạm tội "Cố ý gây thương tích", thì đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của bị cáo Q được hưởng hình phạt khoan hồng, cải tạo ngoài xã hội. Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định theo điểm b, e, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị hại Bùi Văn Đ, Phạm Văn T đều trình bày: Bị cáo Q và ông Q khai chưa đúng sự thật, mặc dù video clip được trình chiếu tại phiên tòa công khai. Chấp nhận việc bồi thường thiệt hại tại phiên tòa của bị cáo Q, không đề nghị bồi thường thêm. Đề nghị Tòa án xem xét việc thay đổi lời khai và nhận thức của bị cáo Q về tội Cố ý gây thương tích.

Ông Bùi Đình Q2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Đề nghị Tòa án xem xét khoan hồng đối với Bùi Đình Q. Không đồng ý trình bày của giám định viên, kết luận định giá tài sản với lý do thiệt hại tài sản của ông giá trị rất lớn. Đề nghị định giá lại tài sản thiệt hại của ông. Yêu cầu các bị cáo T, Đ, T1, Đ, D bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông theo quy định của pháp luật.

Cháu Lương Đức M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của cháu M thống nhất trình bày: 5 bị cáo Đ, T, T1, Đ, D đã bồi thường toàn bộ dân sự cho ông Q, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bùi Đình Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lương Đăng Đ từ 27 tháng đến 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lương Xuân T, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D mỗi bị cáo từ 24 tháng đến 27 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 48 tháng đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về dân sự: Bị cáo Q đã bồi thường tại phiên tòa theo yêu cầu dân sự của bị hại Phạm Văn T, Bùi Văn Đ. Các bị cáo Lương Xuân T, Lương Đăng Đ, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T và Nguyễn Văn D đã liên đới bồi thường trước khi mở phiên tòa, cho ông Bùi Đình Q2 1.250.000 đồng phù hợp kết luận giám định, kết luận định giá tài sản.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 gậy kim loại 3 khúc, tay nắm được bọc cao su màu đen, kích thước khi rút ra là 62cm, kích thước khi thu vào là 23cm; 01 mai đào đất bằng kim loại kích thước dài 144cm; 01 thanh tre đã khô kích thước 250cm; 01 áo khoác dạng áo phao lót bông màu ghi xám do ông Bùi

Đình Q2 giao nộp sẽ chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão quản lý để phục vụ việc xét xử.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp án phí 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người chứng kiến hoặc người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người chứng kiến hoặc người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Ông Bùi Đình Q2 và bị cáo Bùi Đình Q có ý kiến khiếu nại về nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, kết luận định giá tài sản, văn bản trả lời của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, đều được Cơ quan điều tra thu thập, lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Bởi vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định BLTTHS.

[2] Đánh giá về tính hợp pháp của tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra, truy tố liên quan khiếu nại của ông Q như sau:

[2.1] Sau khi nhận kết luận điều tra, cáo trạng, bị cáo Q khiếu nại về hành vi của bị cáo được xác định trong kết luận điều tra, cáo trạng và đề nghị xem xét việc không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Khiếu nại của bị cáo Q không đồng ý nội dung Kết luận điều tra, Cáo trạng được xem xét, đánh giá tại phiên tòa, phù hợp khoản 2 Điều 469 của BLTTHS. Tại phiên tòa, Bùi Đình Q thừa nhận hành vi, tội danh, phù hợp quan điểm của Viện Kiểm sát luận tội là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Ông Nguyễn Bá L biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng, bảo đảm quy định Điều 66 BLTTHS, phù hợp nội dung video clip. Không có căn cứ chấp nhận trình bày của luật sư Long, ông Q lý do lời khai của ông Lợi thiếu khách quan, nhưng không cung cấp được chứng cứ.

[2.3] Theo Đơn đề ngày 10-6-2023, ông Bùi Đình Q2 kiến nghị không đồng ý về kết luận định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 04-4-2023. Trên cơ sở ý kiến ngày 14-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão ban hành Thông báo số 773/TB-CQĐT (ĐTTH) ngày 03-11-2023 về việc không chấp nhận đề nghị định giá lại tài sản, phù hợp trình bày tại phiên tòa của giám định viên, phù hợp nội dung video clip, phù hợp trình bày của ông Q tại Biên bản xác định thiệt hại. Bởi vậy, không có căn cứ chấp nhận trình bày của ông Q về việc định giá lại tài sản thiệt hại.

[3] Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt: Lời khai của 5 bị cáo T, Đ, T1, Đ, D tại phiên tòa, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; nhưng mâu thuẫn với lời khai ban đầu của bị cáo Q, ông Q. Tòa án nhận định như sau:

[3.1] Lời khai tại phiên tòa của 5 bị cáo gồm: Đ, T, T1, Đ, D, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng ông Nguyễn Bá L, phù hợp sơ đồ hiện T, biên bản khám nghiệm hiện T, kết luận giám định, bản ảnh trích sao camera, vật chứng, phù hợp nội dung video clip được trình chiếu công khai tại phiên tòa, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 18-12-2022, tại trước cửa nhà ông Bùi Đình Q2 tại: Thôn Đại Điền, xã T1 Viên, huyện An Lão, Lương Đăng Đ, Lương Xuân T, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T và Nguyễn Văn D trong thời gian khoảng 10 phút, sử dụng hung khí gồm dao bầu, gậy tre, gậy gỗ và giáo nhọn đứng thách thức, đập gậy gỗ, gậy tre và dùng giáo nhọn gây thiệt hại tài sản trị giá 1.250.000 đồng của ông Bùi Đình Q2. Hành vi của Đ, T, Đ, T1, D gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bởi vậy, bị cáo Lương Đăng Đ, Lương Xuân T, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T và Nguyễn Văn D đồng phạm thực hiện hành vi cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" với tình tiết định khung hình phạt "*Dùng ... hung khí hoặc có hành vi phá phách*" được quy định theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Căn cứ các chứng cứ được xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa gồm: Video clip, bản ảnh trích sao camera, biên bản khám nghiệm hiện T, sơ đồ hiện T, kết luận giám định, lời khai tại phiên tòa của các bị cáo T, Đ, T1, Đ, D và Q, phù hợp lời khai người làm chứng Nguyễn Bá L, biên bản nhận dạng, vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 18-12-2022, tại trước cửa nhà ông Bùi Đình Q2, bị cáo Q cố ý sử dụng gậy kim loại 3 khúc gây thương tích cho Bùi Văn Đ, Phạm Văn T làm giảm tỷ lệ tổn thương cơ thể mỗi người tương ứng 2% và 1%. Bùi Đình Q thực hiện hành vi cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung hình phạt "Dùng hung khí nguy hiểm" được quy định theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận trình bày của luật sư bào chữa về việc bị cáo Q không phạm tội "Cố ý gây thương tích" là tội danh mà bị cáo Q thừa nhận về hành vi, nhận thức đầy đủ về trách nhiệm hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo Q trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác và hành vi của các bị cáo trong vụ án gây mất trật tự trị an của địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, trừng trị đối với bị cáo, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Q, T, T1, Đ, D đều không phạm tình tiết theo Điều 52 BLHS. Trước khi khởi tố vụ án theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 39 ngày 4-5-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão, thì Lương Đăng Đ đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ của Bản án số 24/2021/HS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận số 06/GCN ngày 31-01-2023 của Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện An Lão, phù hợp quy định khoản 4 Điều 97, các điều 96, 99 Luật Thi hành án hình sự; khoản 2 Điều 56 BLHS. Tuy nhiên, bị cáo Đ có 01 tiền án chưa được xóa, nên lần này phạm tội thuộc T hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Q, T, T1, Đ, D có nhân thân tốt. Bị cáo Đ có nhân thân xấu. 06 bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại, nên 06 bị cáo đều được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Q được hưởng tình tiết “Phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ có bố tham gia Q đội, ông ngoại Bùi Đình Quỳnh là liệt sĩ, ông nội là Lương Minh Tuấn tham gia Q đội phục vụ quốc tế, được tặng thưởng nhiều thành tích. Bị cáo T có ông nội là Lương Minh Tuấn tham gia Q đội phục vụ quốc tế, được tặng thưởng nhiều thành tích, nên bị cáo Đ, T được hưởng tình tiết theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Vụ án xảy ra từ hành vi trái pháp luật của bị cáo Q, ông Q làm phát sinh kích động các bị cáo khác phạm tội nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định theo khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Đ, T, T1, Đ, D.

Về quyết định hình phạt:

[7] Về tội "Cố ý gây thương tích": Bùi Đình Q trình bày quanh co, đổ lỗi cho các bị cáo khác, nhưng đã thay đổi lời khai, nhận thức đầy đủ trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của bị cáo sử dụng hung khí, thực hiện hành vi phạm tội trước, gây ra nguồn cơn đối với các bị cáo khác phạm tội gây rối trật tự công cộng. Bị cáo Q thực hiện phạm tội đối với hai bị hại, không thuộc T hợp mà bị hại T1, Đ thực hiện một chuỗi hành vi trái pháp luật tấn công bị cáo liên tục, kéo dài làm cho bị cáo bị ức chế tâm lý, kích động về tinh thần. Không chấp nhận lời bào chữa của luật sư về việc đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Q. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng. Cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về việc bị cáo Q thỏa mãn điều kiện áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình

phạt tù có điều kiện, bảo đảm duy trì gắn kết, mật thiết trong quan hệ hàng xóm giữa gia đình các bị cáo trong thời gian tới. Quyết định mức khởi điểm đề nghị của Viện Kiểm sát đối với Bùi Đình Q, bảo đảm nghiêm minh của pháp luật, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống, phù hợp nguyên tắc khoan hồng đối với người thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại gây ra.

[8] Về tội "Gây rối trật tự công cộng": Các bị cáo T, T1, Đ, Đ, D không bàn bạc trước, không chuẩn bị trước hung khí, mà sử dụng hung khí sau khi bị cáo Q có ý sử dụng hung khí gây thương tích trước đối với T1, Đ, cùng ông Q thách thức. Các bị cáo thực hiện đồng phạm giản đơn, sử dụng hung khí gây rối trật tự công cộng trong thời gian ngắn vào thời điểm lưu lượng giao thông hạn chế, người chứng kiến trực tiếp sự việc có ông Nguyễn Bá L. Đ dùng giáo nhọn đâm làm thủng cửa xếp, rách áo khoác ông Q đang mặc, làm xước sơn phần nắp sau của xe ô tô. T ném gậy gỗ, D dùng tấm gỗ cốp pha ném, T1 dùng gậy tre ném, nhưng không trúng ai. Đ cầm dao bầu. Nhận định mức độ tích cực thực hiện để xác định Đ có vai trò cao nhất, rồi đến vai trò của T, T1, Đ, D. Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ nhân thân, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết định khung hình phạt, trách nhiệm dân sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo đồng phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" như sau:

[8.1] Lương Đăng Đ có tình tiết theo khoản 1 Điều 51 BLHS, nhưng có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân xấu, vai trò đồng phạm cao nhất, nên cần xử hình phạt tù đối với bị cáo với mức cao hơn các đồng phạm khác. Bị cáo biết ân hận về hành vi của mình, thanh toán toàn bộ tiền nợ cho Q. Cần xử phạt bị cáo mức khởi điểm đề nghị hình phạt của Viện Kiểm sát, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

[8.2] Lương Xuân T có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T1, D, Đ. 4 bị cáo đều thực hiện vai trò nhất định, không trực tiếp gây thiệt hại tài sản, có quan hệ họ hàng với nhau, nhằm giúp hòa giải mâu thuẫn giữa Đ với gia đình Q. Gia đình 4 bị cáo đều cam đoan bảo lãnh và có chính quyền địa phương xác nhận đề nghị xem xét cho các bị cáo được hưởng cải tạo ngoài xã hội để tiếp tục lao động lương thiện, hàn gắn mâu thuẫn trong quan hệ hàng xóm, họ hàng. 4 bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thỏa mãn điều kiện áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, nên cần xử mức khởi điểm theo đề nghị của Viện Kiểm sát đối với Lương Xuân T, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D, bảo đảm nghiêm minh của pháp luật, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống, phù hợp nguyên tắc khoan hồng của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

[9] Các bị hại Bùi Văn Đ, Phạm Văn T được nhận đầy đủ tiền bồi thường thiệt hại tại phiên tòa của bị cáo Q thanh toán, không đề nghị về dân sự, nên không xem xét giải quyết.

[10] Xét yêu cầu dân sự của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Đình Q2 như sau: Ngày 19-7-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão ra Quyết định trưng cầu giám định để làm rõ: “*Thanh gậy tre gửi giám định có tạo ra 03 vết trượt xước tại cánh cửa phía sau bên trái xe ô tô Mazda CX5 màu trắng không?*”. Tại phiên tòa, giám định viên trình bày: Thanh gậy tre được ném vào trong nhà ông Q không trúng ô tô. Thanh gậy tre gửi giám định không phải là vật tạo ra 03 vết trượt xước tại cánh cửa phía sau bên trái xe ô tô Mazda CX5 màu trắng, mang biển kiểm soát 15A-926.75, phù hợp video clip được trình chiếu công khai, phù hợp Biên bản xác định thiệt hại tài sản do ông Bùi Đình Q2 liệt kê, phù hợp Bản giám định số 158/KL-KTHS ngày 26-7-2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng. Ông Bùi Đình Q2 tự đưa ô tô sửa chữa vào ngày 09-11-2023 sau thời điểm vụ án xảy ra hơn 10 tháng với các vết xước trên ô tô khó bảo đảm đúng vị trí, kích thước vết xước như tại thời điểm ngày 18-12-2022, nên không có căn cứ chấp nhận trình bày của ông Q về việc định giá lại, yêu cầu thiệt hại khác kết luận của Bản định giá tài sản số 14/KL-ĐG ngày 04-4-2023 và Bản định giá tài sản số 38/KL-ĐG ngày 10-10-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Lão. 5 bị cáo Đ, T, T1, Đ, D tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại 1.250.000 đồng cho ông Q và không yêu cầu Lương Đức M phải bồi thường, nên không xem xét trách nhiệm đối với cháu M.

[11] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng liên quan tội phạm gồm: 01 gậy kim loại 3 khúc, tay nắm được bọc cao su màu đen, kích thước khi rút ra là 62cm, kích thước khi thu vào là 23cm; 01 mai đào đất bằng kim loại kích thước dài 144cm; 01 thanh tre đã khô kích thước 250cm; 01 áo khoác dạng áo phao lót bông màu ghi xám. Sau khi gây án, các bị cáo đã vứt 01 thanh giáo dài khoảng 02 mét, mũi giáo bằng kim loại nhọn đã bị gãy một phần và 01 con dao bầu dài khoảng 25cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng không thu giữ được. Bà Bùi Thị H không yêu cầu đối với 01 con dao bầu, gậy gỗ, nên không xem xét, giải quyết.

[12] Thời điểm phạm tội ngày 18-12-2022, Lương Đức M (sinh năm 2008) đã thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, mới được 14 tuổi 10 tháng 11 ngày. Căn cứ quy định tại Điều 12 BLHS thì M chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Công an huyện An Lão đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M, là có căn cứ. Đối với ông Bùi Đình Q2 có hành vi cầm mai đào đất chĩa về nhóm Lương Xuân T, nhưng chưa gây hậu quả, nên Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát không xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Q, là có căn cứ.

[13] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bùi Đình Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bùi Đình Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; với thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Lương Đăng Đ phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt: Lương Đăng Đ 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Lương Xuân T, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Xử phạt:

3. Lương Xuân T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; với thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bùi Văn Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; với thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Phạm Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; với thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Nguyễn Văn D 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; với thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Bùi Đình Q, Lương Xuân T, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D.

Giao bị cáo Bùi Đình Q, Lương Xuân T, Bùi Văn Đ, Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T1 Viên, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ T hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; T hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. T hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: Căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự, Lương Đăng Đ, Lương Xuân T, Nguyễn Văn D, Phạm Văn T, Bùi Văn Đ đã bồi thường thiệt hại cho ông Bùi Đình Q2 số tiền 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai số 0006004 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 gậy kim loại 3 khúc, tay nắm được bọc cao su màu đen, kích thước khi rút ra là 62cm, kích thước khi thu vào là 23cm; 01 mai đào đất bằng kim loại kích thước dài 144cm (trong đó phần lưỡi có kích thước 31cm x 14cm, phần trên cùng của cán được bọc cao su màu đen dài 09cm); 01 thanh gỗ tre kích thước 250cm x 5cm; 01 áo khoác dạng áo phao lót bông màu ghi xám, trước ngực áo bên trái có gắn hình tròn màu đen đường kính 3cm, bên trong hình tròn có chữ “V”, phía đuôi lưng áo có vết rách kích thước 9cm x 5cm (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa Cơ quan Điều tra Công an huyện An Lão và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án về phần dân sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần dân sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trong T hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Công an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Bị cáo, đương sự;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Sinh